LIÊN HIỆP CÁC HỘI KHOA HỌC VÀ KỸ THUẬT VIỆT NAM
VĂN PHÒNG CÔNG NHẬN NĂNG LỰC ĐÁNH GIÁ
SỰ PHÙ HỢP VỀ TIÊU CHUẨN CHẤT LƯỢNG

Số: 71./QĐ-AOSC

Hà Nội, ngày 02 tháng 08 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận năng lực phòng hiệu chuẩn

VĂN PHÒNG CÔNG NHẬN NĂNG LỰC ĐÁNH GIÁ SỰ PHÙ HỢP VỀ TIÊU CHUẨN CHẤT LƯỢNG

Căn cứ Quy định công nhận của Văn phòng Công nhận năng lực đánh giá sự phù hợp về tiêu chuẩn chất lượng – AOSC;

Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ số A-1245 của Bộ Khoa học và Công nghệ cấp ngày 23 tháng 06 năm 2017;

Xét đề nghị cấp chứng chỉ của Trưởng phòng công nhận,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận:

PHÒNG HIỆU CHUẨN, KHOA SINH PHẨM, TRUNG TÂM KIỂM CHUẨN XÉT NGHIỆM THÀNH PHỐ

Địa chỉ: Số 75A, đường Cao Thắng, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Có năng lực thử nghiệm đối với các phép thử (phụ lục kèm theo) đáp ứng yêu cầu tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2005;

Điều 2. Phòng hiệu chuẩn được mang mã số: **VLAT-0102;**

Điều 3. Phòng hiệu chuẩn được công nhận ở Điều 1 được phép sử dụng dấu công nhận và phải tuân thủ đầy đủ các yêu cầu về công nhận năng lực hiệu chuẩn theo quy định hiện hành của AOSC trong thời gian chứng chỉ có hiệu lực;

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực từ ngày 02 tháng 08 năm 2017 đến ngày 01 tháng 08 năm 2019 và phòng hiệu chuẩn phải chịu sự giám sát định kỳ mỗi năm một lần.

Nơi nhận:
- Như Điều 1
- Lưu AD.

GIÁM ĐỐC VĂN PHÒNG

LIÊN HIỆP CÁC HỘI KHOA HỌC VÀ KỸ THUẬT VIỆT NAM
VĂN PHÒNG CÔNG NHẬN NĂNG LỰC ĐÁNH GIÁ SỰ PHÙ HỢP VỀ TIÊU CHUẨN CHẤT LƯỢNG

PGS.TS NGUYỄN THỊ KHÁNH TRÂM

DANH MỤC CÁC PHÉP HIỆU CHUẨN ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED CALIBRATIONS

(Ban hành kèm theo quyết định số:. ..71.../QĐ-AOSC ngày..02. tháng..08..năm 2017 của Văn phòng công nhận năng lực đánh giá sự phù hợp về tiêu chuẩn chất lượng)

1. Tên phòng hiệu chuẩn: Phòng Hiệu chuẩn, Khoa Sinh phẩm, Trung tâm Kiểm chuẩn xét nghiệm thành phố

2. Cơ quan chủ quản: Trung tâm Kiểm chuẩn xét nghiệm thành phố

3. Lĩnh vực công nhận: Khối lượng, dung tích, nhiệt độ, tần số

4. Người phụ trách: Trương Quân Thụy – Trưởng khoa

5. Người có thẩm quyền ký:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Thẩm quyền ký
1.	Trần Hữu Tâm	Giám đốc	Tất cả
2.	Nguyễn Thị Ngọc Vân	Phó Giám đốc	Tất cả
3.	Trương Quân Thụy	Trưởng Quản lý Chất lượng	Tất cả
4.	Võ Ngọc Nguyên	Phó Quản lý Chất lượng	Tất cả
5.	Nguyễn Thị Thanh Tâm	Trưởng Quản lý Kỹ thuật	Tất cả
6.	Nguyễn Anh Đương	Phó Quản lý Kỹ thuật	Tất cả

6. Mã số phòng hiệu chuẩn: VLAT-0102

7. Thông tin phòng hiệu chuẩn: Phòng Hiệu chuẩn, Khoa Sinh phẩm, Trung tâm Kiểm chuẩn xét nghiệm thành phố

Địa chỉ: Số 75A, đường Cao Thắng, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: 028 3 839 1090 Fax: 028 3 9292 890

8. Các phép hiệu chuẩn được công nhận

TT	Tên đại lượng đo hoặc phương tiện đo được công nhận *Measurand equipment accredited*	Phạm vi đo được công nhận *Range of measurement accretited*	Quy trình hiệu chuẩn *Calibration Procedure*	Chuẩn sử dụng *Reference standard or Equipment*	Khả năng đo và hiệu chuẩn (CMC) *Calibration and Measurement Capability (CMC)*
1	*Cân phân tích, cân kỹ thuật*		QT/SP/C-033	Mettle Toledo, Class E2	
	Cấp I	0-50 g			0,3 mg
		50-200 g			0,9 mg
		200-220 g			1 mg
	Cấp II	0-50 g			20 mg
		50-200 g			20 mg
		200-500 g			50 mg
		500-610 g			60 mg
2	*Pipet thủy tinh*		QT/SP/C-032	AND, AD-4212A-100	
		Đến 1ml			2,6 µl
		1-2 ml			4,3 µl
		2-10 ml			30,2 µl
		10-30 ml			54 µl
3	*Pipet piston*		QT/SP/C-031	AND, AD-4212A-100 AND, AD-4212B-PT	
		Đến 10 µl			0,05 µl
		10-100 µl			0,3 µl
		100-1000 µl			2,6 µl
		1-10 ml			28 µl

TT	Tên đại lượng đo hoặc phương tiện đo được công nhận *Measurand equipment accredited*	Phạm vi đo được công nhận *Range of measurement accretited*	Quy trình hiệu chuẩn *Calibration Procedure*	Chuẩn sử dụng *Reference standard or Equipment*	Khả năng đo và hiệu chuẩn (CMC) *Calibration and Measurement Capability (CMC)*
4	*Tủ nhiệt: Tủ đông, tủ lạnh, tủ ấm, tủ sấy, nồi hấp*		QT/SP/C-036	Ellab, Track sense Pro	
		-80 – 10°C			0,7 °C
		10 – 70 °C			0,4 °C
		70 - 150 °C			0,7 °C
5	*Nhiệt kế thủy tinh*	-20 – 150°C	QT/SP/C-035	Ellab, EST 20 with Fluke 7321; Polyscience, PP15RCAL L-AA2	0,1 °C
6	*Nhiệt kế hiển thị số*	-20 – 150°C	QT/SP/C-034	Ellab, EST 20 with Fluke 7321; Polyscience, PP15RCAL L-AA2	0,1 °C
7	*Máy ly tâm*	0 – 15000 rpm	QT/SP/C-030	Redington 9300-HTK Sentri, ST722	8 rpm
8	*Tủ An toàn sinh học*		QT/SP/C-037		
	Độ ồn	35 – 130 dB		Extech, 407736	N/A
	Ánh sáng trắng	0,01 – 299,900 lx		Konica Minolta, T10	N/A

TT	Tên đại lượng đo hoặc phương tiện đo được công nhận *Measurand equipment accredited*	Phạm vi đo được công nhận *Range of measurement accretited*	Quy trình hiệu chuẩn *Calibration Procedure*	Chuẩn sử dụng *Reference standard or Equipment*	Khả năng đo và hiệu chuẩn (CMC) *Calibration and Measurement Capability (CMC)*
	Ánh sáng tím	0,1 – 199,9 uW/cm^2		Lutron, UVC-254	N/A
	Tốc độ gió vào	0,125 – 12,5 m/s		TSI, 8380	N/A
	Hiệu suất lọc	0-3.000.000 $particles/ft^3$		Met One, GT-521S	N/A